

Số: 955 /QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu học phí trình độ đại học hình thức Vừa học vừa làm
năm học 2026 - 2027**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-ĐHTB ngày 19/4/2021 của Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-ĐHTB ngày 30/12/2024 của Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐTĐHTB ngày 26/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc về việc phê duyệt định mức thu học phí đào tạo đại học hệ chính quy từ năm học 2025-2026 đến năm học 2026-2027;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Kế toán - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định mức thu học phí đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa học vừa làm năm học 2026 - 2027 (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các phòng: Kế toán - Tài chính, Đào tạo và Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Website Trường;
- Lưu: VT, KT-TC.



TS. Nguyễn Văn Định

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ VỪA HỌC VỪA LÀM
NĂM HỌC 2026-2027**

(Kèm theo Quyết định số **955** /QĐ-ĐHTB ngày **31** tháng **7** năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Khối ngành	Mức học phí tín chỉ (nghìn đồng/1 tín chỉ)	Ghi chú
Chương trình đào tạo 136 tín chỉ		
1. Khối ngành I - Các ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	575	
2. Khối ngành III - Các ngành Kinh doanh và quản lý, pháp luật (Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng)	575	
3. Khối ngành V - Các ngành Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y (Công nghệ thông tin, Nông học, Nông nghiệp công nghệ cao, Lâm sinh, Quản lý phát thải các bon và Lâm nghiệp bền vững, Chăn nuôi - Thú y, Bảo vệ thực vật, Quản lý sức khỏe cây trồng và nông sản, Quản lý tài nguyên rừng, Công nghệ số trong quản lý bảo vệ tài nguyên rừng)	670	